vị : Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh
V QHNS : 1023880

Mẫu số : C02a-HD

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Ngân sách

Tháng : 11 năm 2026

tính : 2 530 000

ĐVT : Đồng Trang : 1

HỌ TÊN	Chức danh nghề nghiệp	Mã số ngạch	Bậc	Ngày công	Hệ số lương và phụ cấp tính BH							Số tiền các khoản phụ cấp khác								Khấu trừ bảo hiểm	Thực lãnh	QĐ LG	QĐ NG
					HS LGCB	PC CV	PC NNghề		PC TN VK		Số tiền	Đ.ủy, Đ.Hại		Ưu đãi, CVụ,TTra		Trách nhiệm		KVực, T.hút					
							%	HSố	%	HSố		HS	Số tiền	HSố	Số tiền	HSố	Số tiền	HS	Số tiền				
TỔNG CỘNG																							
HĐ CHỈ TIÊU - ĐINH BỘ LĨNH					**10,350**						**26.185.500**	**0,20**	**506.000**	**3,240**	**8.197.200**					**2.749.478**	**32.139.222**		
Đinh Thị Bảo Thu	Thư viện	V.10.02.06	4	26	3,330						8.424.900	0,20	506.000	0,666	1.684.980					884.615	9.731.265	04/25	
Trần Thị Thanh Nga	Giáo vụ	02.007	1	26	2,340						5.920.200			0,468	1.184.040					621.621	6.482.619	12/25	
Võ Thị Phương	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	26	2,340						5.920.200			1,053	2.664.090					621.621	7.962.669	09/24	
Phạm Thị Thùy Trang	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	26	2,340						5.920.200			1,053	2.664.090					621.621	7.962.669	11/24	
HĐ CHỈ TIÊU - HÀ HUY TẬP					**10,020**						**25.350.600**			**3,924**	**9.927.720**					**2.661.813**	**32.616.507**		
Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Văn thư	02.007	1	26	2,340						5.920.200			0,468	1.184.040					621.621	6.482.619	09/24	
Nguyễn Thị Kim Phượng	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	26	3,000						7.590.000			1,350	3.415.500					796.950	10.208.550	01/24	
Phạm Thị Hiền	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	26	2,340						5.920.200			1,053	2.664.090					621.621	7.962.669	11/24	
Nguyễn Thị Thùy Dương	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	26	2,340						5.920.200			1,053	2.664.090					621.621	7.962.669	11/24	
HĐ CHỈ TIÊU - ĐIỆN BIÊN PHỦ					**3,660**						**9.259.800**			**0,732**	**1.851.960**					**972.279**	**10.139.481**		
Ngô Thị Anh Thư	Quản trị công sở	02.007	5	26	3,660						9.259.800			0,732	1.851.960					972.279	10.139.481	09/26	01/00

Mức tính : 2 530 000

ĐVT : Đồng Trang : 2

Số TT	HỌ TÊN	Chức danh nghề nghiệp	Mã số ngạch	Bậc	Ngày công	Hệ số lương và phụ cấp tính BH							Số tiền các khoản phụ cấp khác								Khấu trừ bảo hiểm	Thực lãnh	QĐ LG	QĐ NG
						HS LGCB	PC CV	PC NNghề		PC TN VK		Số tiền	Đ.ủy, Đ.Hại		Ưu đãi, CVụ,TTra		Trách nhiệm		KVực, T.hút					
								%	HSố	%	HSố		HS	Số tiền	HSố	Số tiền	HSố	Số tiền	HS	Số tiền				
TỔNG CỘNG						**24,030**						**60.795.900**	**0,20**	**506.000**	**7,896**	**19.976.880**					**6.383.570**	**74.895.210**		

Số tiền ghi bằng chữ : Bảy mươi bốn triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm mười đồng.

PHÂN TÍCH MLNS LƯƠNG :	6001:	-	6003:	-	6051:	64.967.490	7049:	-	6101:	-	6102:	-	6103:	-
	6107:	-	6112:	9.927.720	6113:	-	6115:	-	6123:	-	6124:	-	6757/6799:	-
PHÂN TÍCH MLNS BẢO HIỂM :	6001:	-	6003:	-	6051:	6.383.570	7049:	-	6101:	-	6113 :	-	6117 :	
	6115 :	-	6757 :	-	6301:	10.639.283	6302 :	1.823.877	6304 :	607.959	6349 :	-		
PHÂN TÍCH MLNS KP CĐOÀN	6001:	-	6003:	-	6051:	-	7049:	-	6101:	-	6117 :			
	6115 :	-	6113 :	-	6757 :	-								

TỔNG: 74.895.210

TỔNG: 19.454.689

HẠCH TOÁN VÀO 6303 : -

ngày 02 tháng 11 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG/ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Đàm Thị Kim Dung	Đàm Thị Kim Dung	Cao Thị Liêm

UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐINH BỘ LĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TIỀN CÔNG GIAO KHOÁN NHÂN VIÊN BẢO VỆ - PHỤC VỤ - VỆ SINH
THÁNG 11/2026

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Mức đóng BHXH, YT, TN	32% BHXH, BHYT, BHTN	Thực nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Sinh	Nhân viên Bảo vệ	6.600.000	4.730.000	1.513.600	**5.086.400**	Trường chính
2	Nguyễn Văn Tiệp	Nhân viên Bảo vệ	6.600.000	4.730.000	1.513.600	**5.086.400**	Trường chính
3	Nguyễn Thị Thủy	Nhân viên Phục vụ	6.600.000	4.730.000	1.513.600	**5.086.400**	Trường chính
4	Huỳnh Thị Ánh Hà	Nhân viên vệ sinh	6.000.000			**6.000.000**	Trường chính
5	Nguyễn Châu	Nhân viên Bảo vệ	6.500.000			**6.500.000**	Phân hiệu 1
6	Nguyễn Huy	Nhân viên Bảo vệ	7.020.270	5.778.000	1.848.960	**5.171.310**	Phân hiệu 1
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nhân viên Phục vụ	6.500.000			**6.500.000**	Phân hiệu 1
8	Trần Thị Minh Hải	Nhân viên vệ sinh	6.500.000			6.500.000	Phân hiệu 1
9	Lương Thị Kim Liên	Nhân viên BV - PV	9.048.000	6.400.000	2.048.000	**7.000.000**	Phân hiệu 2
10	Trương Đăng	Nhân viên BV - PV	7.500.000			**7.500.000**	Phân hiệu 2
11	Huỳnh Thị Nga	Nhân viên vệ sinh	6.500.000			**6.500.000**	Phân hiệu 2
	TỔNG CỘNG		**75.368.270**	**26.368.000**	**8.437.760**	**66.930.510**	

Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ngàn năm trăm mười đồng

Thanh Khê, ngày 02 tháng 11 năm 2026

KẾ TOÁN

Đàm Thị Kim Dung

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG THANH KHÊ TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐINH BỘ LĨNH

Cao Thị Liêm

Chuyển lương: 66.930.510 đ
Chuyển 32% BHXH : 8.437.760 đ

UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐINH BỘ LĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TIỀN CÔNG KHOÁN GIÁO VIÊN HỢP ĐỒNG
THÁNG 11/2026

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Mức đóng BHXH, YT, TN	32% BHXH, BHYT, BHTN	Thực nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Dương Thị Hoài Trang	Giáo viên HĐ thai sản	7.820.000	4.730.000	1.513.600	**6.306.400**	Phân hiệu 2
2	Nguyễn Thị Hạ Duyên	Giáo viên HĐ nghỉ k lương	7.820.000	4.730.000	1.513.600	**6.306.400**	Trường chính
3	Hoàng Nguyễn Khánh Vy	Giáo viên HĐ thai sản	7.820.000	4.730.000	1.513.600	**6.306.400**	Phân hiệu 1
4	Trần Thị Thương	Giáo viên HĐ thay học CT	7.820.000			**3.910.000**	TC
	TỔNG CỘNG		**31.280.000**	**14.190.000**	**4.540.800**	**22.829.200**	

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn hai trăm đồng

Thanh Khê, ngày 02 tháng 11 năm 2026

KẾ TOÁN

Đàm Thị Kim Dung

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Liêm

Chuyển lương: 22.829.200 đ
Chuyển 32% BHXH : 4.540.800 đ